

PHẦN III - ẢN PHẨM ĐỊNH KỲ

3.1 CÁC ẢN PHẨM ĐỊNH KỲ

3.1.1 BÁO VÀ BẢN TIN

3.1.1.1 BÁO VÀ BẢN TIN XUẤT BẢN Ở TRUNG ƯƠNG

3.1.1.1.1 TIẾNG VIỆT

1. An ninh biên giới. - H. : Bộ Công an. - Hàng tuần. - 41 cm
2. An ninh thế giới. - H. : Bộ Công an. - 1 tuần 2 kỳ. - 29 cm
3. An ninh thế giới cuối tháng. - H. : Bộ Công an. - Hàng tháng. - 42 cm
4. An ninh thế giới giữa tháng. - H. : Bộ Công an. - Hàng tháng. - 42 cm
5. An sinh xã hội. - H. : Tạp chí Bảo hiểm xã hội. - Hàng tuần. - 29x35 cm
6. Bảo vệ pháp luật. - H. : Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. - 1 tuần 2 kỳ. - 42 cm
7. Biên phòng. - H. : Cục Chính trị - Bộ đội Biên phòng. - Hàng tuần. - 50 cm
8. Bóng đá. - H. : Liên đoàn Bóng đá Việt Nam. - Hàng ngày. - 42 cm
9. Bưu điện Việt Nam. - H. : Bộ Thông tin và Truyền thông. - Hàng tuần. - 42 cm
10. Câu chuyện pháp luật. - H. : Bộ Tư pháp. - Hàng tuần. - 42 cm
11. Công an nhân dân. - H. : Bộ Công an. - Hàng ngày. - 42 cm
12. Công giáo và Dân tộc. - Tp. Hồ Chí Minh : Ủy ban Đoàn kết Công giáo Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tuần. - 28 cm
13. Công giáo và Dân tộc. - Tp. Hồ Chí Minh : Ủy ban Đoàn kết Công giáo Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 19 cm
14. Công lý. - H. : Tòa án nhân dân tối cao. - 1 tuần 2 kỳ. - 42 cm
15. Công lý và Xã hội. - H. : Toà án nhân dân tối cao. - 1 tuần 2 kỳ. - 40 cm
16. Công Thương. - H. : Bộ Công Thương. - 1 tuần 3 kỳ. - 40 cm
17. Cựu chiến binh Việt Nam. - H. : Hội Cựu chiến binh Việt Nam. - Hàng tuần. - 42 cm
18. Dân tộc và Phát triển. - H. : Ủy ban Dân tộc. - Hàng tuần. - 42 cm
19. Dân tộc và Phát triển (Dành cho đồng bào miền núi). - H. : Ủy ban Dân tộc. - 1 tuần 2 kỳ. - 42 cm
20. Diễn đàn Doanh nghiệp. - H. : Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. - 1 tuần 2 kỳ. - 27 cm
21. Dư luận thế giới về Việt Nam. - H. : Thông tấn xã Việt Nam. - Hàng tuần. - 27 cm
22. Đại đoàn kết. - H. : Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. - Hàng ngày. - 42 cm
23. Đầu tư. - H. : Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - 1 tuần 3 kỳ. - 42 cm
24. Đấu thầu. - H. : Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Hàng ngày. - 40 cm
25. Đời sống và pháp luật. - H. : Hội Luật gia Việt Nam. - Hàng ngày. - 58 cm
26. Gia đình và xã hội. - H. : Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá gia đình. - Hàng tuần. - 42 cm
27. Giác ngộ. - Tp. Hồ Chí Minh : Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tuần. - 27 cm
28. Giao thông. - H. : Bộ Giao thông vận tải. - 1 tuần 2 kỳ. - 43 cm
29. Giáo dục và thời đại. - H. : Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Hàng ngày. - 42 cm
30. Giáo dục và thời đại - Chủ nhật. - H. : Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Hàng tuần. - 27 cm
31. Hải quan. - H. : Tổng cục Hải quan. - 1 tuần 3 kỳ. - 43 cm

32. Hải quân Việt Nam. - H. : Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân Việt Nam. - Hàng tuần. - 41x29 cm

33. Hoạ mi. - H. : Báo Nhi đồng. - Hàng tuần. - 26x18 cm

34. Khoa học và đời sống. - H. : Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. - Hàng tuần. - 42 cm

35. Khoa học và phát triển. - H. : Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường. - Hàng tuần. - 42 cm

36. Kiểm toán. - H. : Kiểm toán Nhà nước. - Hàng tuần. - 40 cm

37. Kinh doanh. - H. : Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. - Hàng tuần. - 41 cm

38. Kinh tế Việt Nam và thế giới. - H. : Thông tấn xã Việt Nam. - Hàng tháng. - 27x19 cm

39. Lao động. - H. : Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. - Hàng ngày. - 63 cm

40. Lao động cuối tuần. - H. : Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. - Hàng tuần. - 36 cm

41. Lao động xã hội. - H. : Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - 1 tuần 3 kỳ. - 42 cm

42. Ngày nay. - H. : Liên hiệp các Hội Unesco Việt Nam. - Hàng tuần. - 27x34 cm

43. Người cao tuổi. - H. : Hội Người cao tuổi Việt Nam. - Hàng ngày. - 42 cm

44. Người đại biểu nhân dân. - H. : Văn phòng Quốc hội. - Hàng ngày. - 42 cm

45. Nhà báo và công luận. - H. : Hội Nhà báo Việt Nam. - Hàng tuần. - 58 cm

46. Nhân dân. - H. : Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. - Hàng ngày. - 58 cm

47. Nhân dân cuối tuần. - H. : Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. - Hàng tuần. - 42 cm

48. Nhi đồng. - H. : Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. - 2 tuần 1 kỳ. - 27 cm

49. Nông nghiệp Việt Nam. - H. : Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Hàng ngày. - 42 cm

50. Pháp luật 4 phương. - H. : Báo Pháp luật Việt Nam. - Hàng tuần. - 28x20 cm

51. Pháp luật Việt Nam. - H. : Bộ Tư pháp. - 2 tuần 1 kỳ. - 28 cm

52. Pháp luật Việt Nam. - H. : Bộ Tư pháp. - Hàng ngày. - 43 cm

53. Phụ nữ Việt Nam. - H. : Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. - 1 tuần 2 kỳ. - 42 cm

54. Quân đội nhân dân. - H. : Quân uỷ Trung ương. - Hàng ngày. - 58 cm

55. Quân đội nhân dân cuối tuần. - H. : Quân uỷ Trung ương. - Hàng tuần. - 42 cm

56. Sức khoẻ và đời sống. - H. : Bộ Y tế. - Hàng ngày. - 42 cm

57. Tài nguyên và môi trường. - H. : Bộ Tài nguyên và Môi trường. - 1 tuần 2 kỳ. - 42 cm

58. Tạp chí Kinh tế Việt Nam. - H. : Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam. - 1 tuần 2 kỳ. - 42 cm

59. Tạp chí Sống khỏe (chuyên đề tháng của báo Khoa học và Đời sống). - H. : Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. - Hàng tháng. - 19 cm

60. Thanh niên. - H. : Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam. - Hàng ngày. - 40 cm

61. Thanh tra. - H. : Thanh tra Nhà nước. - 1 tuần 2 kỳ. - 42 cm

62. Thể thao và Văn hoá. - H. : Thông tấn xã Việt Nam. - Hàng ngày. - 31 cm

63. Thể thao Việt Nam. - H. : Tổng cục Thể dục thể thao. - 1 tuần 2 kỳ. - 42 cm

64. Thế giới phụ nữ. - H. : Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. - Hàng tháng. - 29 cm

65. Thế giới và Việt Nam. - H. : Bộ Ngoại giao. - Hàng tuần. - 40 cm

66. Thiên thần nhỏ. - H. : Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 21x15 cm

67. Thời báo Ngân hàng. - H. : Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. - Hàng ngày. - 42 cm

68. Thời báo Tài chính. - H. : Bộ Tài chính. - 1 tuần 3 kỳ. - 42 cm

69. Thời báo Văn học nghệ thuật. - H. : Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam. - Hàng tuần. - 41x29 cm

70. Thời nay. - H. : Báo Nhân dân. - Hàng tuần. - 28x56 cm

71. Thương hiệu và Công luận. - H. : Hiệp hội Chống hàng giả và bảo vệ thương hiệu Việt Nam. - Hàng tuần. - 40 cm

72. Tiền phong. - H. : Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. - Hàng ngày. - 38 cm

73. Tin kinh tế tham khảo. - H. : Thông tấn xã Việt Nam. - Hàng ngày. - 27x19 cm

74. Tin kinh tế tham khảo (Chủ nhật). - H. : Thông tấn xã Việt Nam. - Hàng tuần. - 19x26 cm

75. Tin nhanh buổi chiều. - H. : Thông tấn xã Việt Nam. - Hàng ngày. - 27x19 cm

76. Tin nhanh buổi sáng. - H. : Thông tấn xã Việt Nam. - Hàng ngày. - 27x19 cm

77. Tin tham khảo thế giới. - H. : Thông tấn xã Việt Nam. - Hàng ngày. - 27x19 cm

78. Tin thế giới. - H. : Thông tấn xã Việt Nam. - Hàng ngày. - 27x19 cm

79. Tuần tin tức. - H. : Thông tấn xã Việt Nam. - Hàng tuần. - 42 cm

80. Văn hoá. - H. : Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. - 1 tuần 3 kỳ. - 40 cm

81. Văn nghệ. - H. : Hội Nhà văn Việt Nam. - Hàng tuần. - 40 cm

82. Văn nghệ công an. - H. : Diễn đàn Văn học nghệ thuật của Lực lượng Công an nhân dân. - Hàng tuần. - 28 cm

83. VOV. - H. : Đài Tiếng nói Việt Nam. - Hàng tuần. - 42 cm

84. Xa lộ pháp luật. - H. : Hội Luật gia Việt Nam. - 1 tuần 2 kỳ. - 40 cm

85. Xây dựng. - H. : Bộ Xây dựng. - 1 tuần 2 kỳ. - 41 cm

3.1.1.1.2 TIẾNG NƯỚC NGOÀI

86. Le courrier du Vietnam. - H. : Thông tấn xã Việt Nam. - Hàng tuần. - 43 cm

87. Vietnam investment review. - H. : Báo Đầu tư. - Hàng tuần. - 52 cm

88. Việt Nam News. - H. : Thông tấn xã Việt Nam. - Hàng ngày. - 41 cm

3.1.1.2 BÁO VÀ BẢN TIN XUẤT BẢN Ở ĐỊA PHƯƠNG

3.1.1.2.1 TIẾNG VIỆT

89. An Giang. - An Giang : Tỉnh uỷ An Giang. - Hàng ngày. - 40 cm

90. An ninh Hải Phòng. - Hải Phòng : Công an thành phố Hải Phòng. - Hàng ngày. - 42 cm

91. An ninh Thủ đô. - H. : Công an thành phố Hà Nội. - Hàng ngày. - 42 cm

92. Ấp Bắc. - Tiền Giang : Tỉnh uỷ Tiền Giang. - Hàng tuần. - 29x42 cm

93. Bà Rịa - Vũng Tàu. - Bà Rịa - Vũng Tàu : Tỉnh uỷ Bà Rịa - Vũng Tàu. - Hàng ngày. - 28x41 cm

94. Bạc Liêu. - Bạc Liêu : Tỉnh uỷ Bạc Liêu. - 1 tuần 3 kỳ. - 40 cm

95. Bạc Liêu (Tiếng Khmer). - Bạc Liêu : Tỉnh uỷ Bạc Liêu. - Hàng ngày. - 42 cm

96. Bản tin Công tác dân tộc. - Cần Thơ : Ban Dân tộc thành phố Cần Thơ. - Hàng quý. - 27 cm

97. Bản tin Công tác Mặt trận. - Kiên Giang : Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Kiên Giang. - Hàng tháng. - 30 cm

98. Bản tin Dân vận Vĩnh Phúc. - Vĩnh Phúc : Ban Dân vận Tỉnh uỷ Vĩnh Phúc. - Hàng quý. - 26 cm

99. Bản tin Đầu tư, Thương mại và Du lịch. - Kiên Giang : Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang. - Hàng tháng. - 20x29 cm

100. Bản tin Hà Nội hội nhập và phát triển. - H. : Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. - Hàng tháng. - 27 cm

101. Bản tin huyện Kỳ Sơn. - Nghệ An : Huyện uỷ Kỳ Sơn. - Hàng tháng. - 16x24 cm

102. Bản tin Hữu nghị và Hợp tác. - H. : Nxb. Thế giới. - Hàng tháng. - 27 cm
103. Bản tin Khuyến nông Lâm Đồng. - Lâm Đồng : Trung tâm khuyến nông Lâm Đồng. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm
104. Bản tin Nông dân thành phố Cần Thơ. - Cần Thơ : Hội Nông dân thành phố Cần Thơ. - Hàng quý. - 19x27 cm
105. Bản tin Nông nghiệp - Nông thôn Quảng Nam. - Quảng Nam : Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam. - 2 tháng 1 kỳ. - 19x27 cm
106. Bản tin phụ nữ. - Bình Dương : Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Bình Dương. - Hàng tháng. - 14x20 cm
107. Bản tin Sản xuất & Thị trường (Lào Cai). - Lào Cai : Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lào Cai. - Hàng tuần. - 30 cm
108. Bản tin Sơn La xưa và nay. - Sơn La : Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Sơn La. - 2 tháng 1 kỳ. - 19x27 cm
109. Bản tin Sức khỏe Bình Thuận. - Bình Thuận : Sở Y tế Bình Thuận. - Hàng tháng. - 27 cm
110. Bản tin Sức khỏe Kiên Giang. - Kiên Giang : Sở Y tế Kiên Giang. - Hàng tháng. - 29 cm
111. Bản tin Tư pháp Đồng Tháp. - Đồng Tháp : Sở Tư pháp Đồng Tháp. - Hàng tháng. - 29 cm
112. Bản tin Tư pháp Yên Bái. - Yên Bái : Sở Tư pháp Yên Bái. - Hàng quý. - 27 cm
113. Bắc Giang. - Bắc Giang : Tỉnh uỷ Bắc Giang. - Hàng ngày. - 29x40 cm
114. Bắc Giang thứ bảy. - Bắc Giang : Báo Bắc Giang. - Hàng tuần. - 29x40 cm
115. Bắc Kạn. - Bắc Kạn : Tỉnh uỷ Bắc Kạn. - Hàng tuần. - 40 cm
116. Bắc Kạn vùng cao. - Bắc Kạn : Tỉnh uỷ Bắc Kạn. - Hàng tháng. - 42 cm
117. Bắc Ninh. - Bắc Ninh : Tỉnh uỷ Bắc Ninh. - Hàng ngày. - 41 cm
118. Bắc Ninh cuối tuần. - Bắc Ninh : Tỉnh uỷ Bắc Ninh. - Hàng tuần. - 29x42 cm
119. Bình Dương. - Bình Dương : Tỉnh uỷ Bình Dương. - Hàng ngày. - 42 cm
120. Bình Định. - Bình Định : Tỉnh uỷ Bình Định. - Hàng ngày. - 41 cm
121. Bình Phước. - Bình Phước : Tỉnh uỷ Bình Phước. - Hàng ngày. - 40 cm
122. Bình Phước tin ảnh. - Bình Phước : Tỉnh uỷ Bình Phước. - Tháng 2 kỳ. - 40 cm
123. Bình Thuận. - Bình Thuận : Tỉnh uỷ Bình Thuận. - Hàng ngày. - 42 cm
124. Cà Mau. - Cà Mau : Tỉnh uỷ Cà Mau. - Hàng ngày. - 42 cm
125. Cà Mau (Đất mũi - Tiếng Khmer). - Cà Mau : Tỉnh uỷ Cà Mau. - Hàng tháng. - 40 cm
126. Cao Bằng. - Cao Bằng : Tỉnh uỷ Cao Bằng. - Hàng tháng. - 27 cm
127. Cao Bằng. - Cao Bằng : Tỉnh uỷ Cao Bằng. - Hàng ngày. - 42 cm
128. Cần Thơ. - Cần Thơ : Thành uỷ Cần Thơ. - Hàng ngày. - 26 cm
129. Cần Thơ (tiếng dân tộc). - Cần Thơ : Thành uỷ Cần Thơ. - Hàng tuần. - 42 cm
130. Công an thành phố Đà Nẵng. - Đà Nẵng : Công an thành phố Đà Nẵng. - Hàng ngày. - 29x42 cm
131. Công an Thành phố Hồ Chí Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Công an Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng ngày. - 42 cm
132. Cựu chiến binh thành phố Hồ Chí Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Hội Cựu chiến binh Tp. Hồ Chí Minh. - Tháng 2 kỳ. - 42 cm
133. Dân tộc miền núi Lâm Đồng. - Lâm Đồng : Tỉnh uỷ Lâm Đồng. - Hàng tháng. - 29x42 cm
134. Doanh nhân Sài Gòn. - Tp. Hồ Chí Minh : Hiệp hội Doanh nghiệp Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 42 cm
135. Đà Nẵng. - Tp. Đà Nẵng : Thành uỷ Đà Nẵng. - Hàng ngày. - 58 cm
136. Đắk Lắk. - Đắk Lắk : Tỉnh uỷ Đắk Lắk. - Hàng ngày. - 29x42 cm
137. Đắk Nông. - Đắk Nông : Tỉnh uỷ Đắk Nông. - Hàng ngày. - 42 cm
138. Đắk Nông báo ảnh. - Đắk Nông : Tỉnh uỷ Đắk Nông. - Hàng tuần. - 28x45 cm
139. Đầu tư tài chính. - Tp. Hồ Chí Minh : Thành uỷ Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tuần. - 21x27 cm

140. Điện Biên Phủ. - Điện Biên : Tỉnh uỷ Điện Biên. - 1 tuần 3 kỳ. - 40 cm

141. Điện Biên Phủ (vùng cao). - Điện Biên : Tỉnh uỷ Điện Biên. - 1 tháng 3 kỳ. - 40 cm

142. Điện Biên Phủ bán nguyệt san. - Điện Biên : Tỉnh uỷ Điện Biên. - Hàng tuần. - 42 cm

143. Đồng khởi. - Bến Tre : Tỉnh uỷ Bến Tre. - 1 tuần 3 kỳ. - 42 cm

144. Đồng Nai. - Đồng Nai : Tỉnh uỷ Đồng Nai. - Hàng ngày. - 42 cm

145. Đồng Tháp. - Đồng Tháp : Tỉnh uỷ Đồng Tháp. - 1 tuần 3 kỳ. - 40 cm

146. Đời sống gia đình. - H. : Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Hà Nội. - Hàng tuần. - 27 cm

147. Gia Lai. - Gia Lai : Tỉnh uỷ Gia Lai. - Hàng ngày. - 40 cm

148. Gia Lai báo ảnh. - Gia Lai : Tỉnh uỷ Gia Lai. - Hàng tuần. - 41 cm

149. Giác ngộ. - Tp. Hồ Chí Minh : Giáo hội Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 20 cm

150. Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Sở Giáo dục và Đào tạo Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng ngày. - 42 cm

151. Hà Giang. - Hà Giang : Tỉnh uỷ Hà Giang. - Hàng ngày. - 48 cm

152. Hà Giang cực bắc. - Hà Giang : Tỉnh uỷ Hà Giang. - Hàng tháng. - 33 cm

153. Hà Nam. - Hà Nam : Tỉnh uỷ Hà Nam. - Hàng ngày. - 42 cm

154. Hà Nội mới. - H. : Thành uỷ Hà Nội. - Hàng ngày. - 56 cm

155. Hà Nội mới cuối tuần. - H. : Thành uỷ Hà Nội. - Hàng tuần. - 51 cm

156. Hà Nội ngày nay. - Hà Nội : Thành uỷ Hà Nội. - Hàng tháng. - 29x41 cm

157. Hà Tĩnh. - Hà Tĩnh : Tỉnh uỷ Hà Tĩnh. - Hàng ngày. - 40x55 cm

158. Hạ Long. - Quảng Ninh : Tỉnh uỷ Quảng Ninh. - Tháng 2 kỳ. - 29x41 cm

159. Hải Dương. - Hải Dương : Tỉnh uỷ Hải Dương. - Hàng ngày. - 29x42 cm

160. Hải Dương cuối tuần. - Hải Dương : Tỉnh uỷ Hải Dương. - Hàng tuần. - 27x40 cm

161. Hải Phòng. - Hải Phòng : Thành uỷ Hải Phòng. - Hàng ngày. - 40x57 cm

162. Hải Phòng cuối tuần. - Hải Phòng : Thành uỷ Hải Phòng. - Hàng tuần. - 27 cm

163. Hậu Giang. - Hậu Giang : Tỉnh uỷ Hậu Giang. - Hàng ngày. - 40 cm

164. Hoà Bình. - Hoà Bình : Tỉnh uỷ Hoà Bình. - Hàng ngày. - 29x42 cm

165. Hưng Yên. - Hưng Yên : Tỉnh uỷ Hưng Yên. - Hàng ngày. - 37 cm

166. Khánh Hoà. - Khánh Hoà : Tỉnh uỷ Khánh Hoà. - Hàng ngày. - 29x42 cm

167. Khẩn quàng đỏ. - Tp. Hồ Chí Minh : Thành đoàn Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tuần. - 20x28 cm

168. Khoa học phổ thông. - Tp. Hồ Chí Minh : Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tuần. - 28 cm

169. Kiên Giang. - Kiên Giang : Tỉnh uỷ Kiên Giang. - Hàng ngày. - 29x42 cm

170. Kinh tế và Đô thị. - H. : Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội. - Hàng tuần. - 29x42 cm

171. Kon Tum. - Kon Tum : Tỉnh uỷ Kon Tum. - Hàng ngày. - 26x42 cm

172. Kon Tum báo ảnh. - Kon Tum : Tỉnh uỷ Kon Tum. - 1 tháng 3 kỳ. - 29x42 cm

173. Kon Tum cuối tuần. - Kon Tum : Tỉnh uỷ Kon Tum. - Hàng tuần. - 42x29 cm

174. Lai Châu. - Lai Châu : Tỉnh uỷ Lai Châu. - 1 tháng 3 kỳ. - 42 cm

175. Lai Châu. - Lai Châu : Tỉnh uỷ Lai Châu. - Hàng tuần. - 42 cm

176. Lai Châu (cuối tuần). - Lai Châu : Tỉnh uỷ Lai Châu. - Hàng tuần. - 50 cm

177. Lạng Sơn. - Lạng Sơn : Tỉnh uỷ Lạng Sơn. - Hàng tuần. - 28x42 cm

178. Lao động Thủ đô. - H. : Liên đoàn Lao động thành phố Hà Nội. - 1 tuần 3 kỳ. - 42 cm

179. Lào Cai. - Lào Cai : Tỉnh uỷ Lào Cai. - 1 tháng 3 kỳ. - 42 cm

180. Lào Cai. - Lào Cai : Tỉnh uỷ Lào Cai. - Hàng ngày. - 29x42 cm

181. Lào Cai cuối tuần. - Lào Cai : Tỉnh uỷ Lào Cai. - Hàng tuần. - 42 cm

182. Lâm Đồng. - Lâm Đồng : Tỉnh uỷ Lâm Đồng. - Hàng ngày. - 43 cm

183. Long An. - Long An : Tỉnh uỷ Long An. - Hàng ngày. - 29x41 cm

184. Nam Định. - Nam Định : Tỉnh uỷ Nam Định. - Hàng ngày. - 42x58 cm

185. Nghệ An. - Nghệ An : Tỉnh uỷ Nghệ An. - Hàng ngày. - 55 cm

186. Người Hà Nội. - H. : Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Hà Nội. - Hàng tháng. - 21x42 cm

187. Người lao động. - Tp. Hồ Chí Minh : Liên đoàn Lao động Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng ngày. - 58 cm

188. Ninh Bình. - Ninh Bình : Tỉnh uỷ Ninh Bình. - Hàng ngày. - 58 cm

189. Ninh Bình cuối tuần. - Ninh Bình : Tỉnh uỷ Ninh Bình. - Hàng tuần. - 42 cm

190. Ninh Thuận. - Ninh Thuận : Tỉnh uỷ Ninh Thuận. - Hàng ngày. - 40 cm

191. Ninh Thuận tin ảnh. - Ninh Thuận : Tỉnh uỷ Ninh Thuận. - Hàng tháng. - 33 cm

192. Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng ngày. - 42 cm

193. Pháp luật và xã hội. - H. : Sở Tư pháp thành phố Hà Nội. - Hàng ngày. - 42 cm

194. Phú Thọ. - Phú Thọ : Tỉnh uỷ Phú Thọ. - Hàng ngày. - 58 cm

195. Phú Thọ cuối tuần. - Phú Thọ : Tỉnh uỷ Phú Thọ. - Hàng tuần. - 42 cm

196. Phú Yên. - Phú Yên : Tỉnh uỷ Phú Yên. - Hàng ngày. - 58 cm

197. Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Hội Liên hiệp Phụ nữ Tp. Hồ Chí Minh. - 1 tuần 3 kỳ. - 29x40 cm

198. Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh chủ nhật. - Tp. Hồ Chí Minh : Hội Liên hiệp Phụ nữ Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tuần. - 19x29 cm

199. Phụ nữ Thủ đô. - H. : Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Hà Nội. - Hàng tuần. - 42 cm

200. Quảng Bình. - Quảng Bình : Tỉnh uỷ Quảng Bình. - Hàng ngày. - 40 cm

201. Quảng Nam. - Quảng Nam : Tỉnh uỷ Quảng Nam. - Hàng ngày. - 58 cm

202. Quảng Ngãi. - Quảng Ngãi : Tỉnh uỷ Quảng Ngãi. - Hàng ngày. - 41 cm

203. Quảng Ninh. - Quảng Ninh : Tỉnh uỷ Quảng Ninh. - Hàng ngày. - 42x58 cm

204. Quảng Ninh cuối tuần. - Quảng Ninh : Tỉnh uỷ Quảng Ninh. - Hàng tuần. - 42 cm

205. Quảng Trị. - Quảng Trị : Tỉnh uỷ Quảng Trị. - Hàng ngày. - 42 cm

206. Quân khu 5. - Đà Nẵng : Bộ Tư lệnh Quân khu 5, Bộ Quốc phòng. - 1 tháng 3 kỳ. - 28x41 cm

207. Quân khu Ba. - Hải Phòng : Bộ Tư lệnh Quân khu 3, Bộ Quốc phòng. - Hàng tháng. - 40 cm

208. Quốc phòng Thủ đô. - H. : Bộ Tư lệnh Thủ đô, Bộ Quốc phòng. - Hàng tuần. - 29x41 cm

209. Sài Gòn giải phóng. - Tp. Hồ Chí Minh : Thành uỷ Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng ngày. - 52 cm

210. Sóc Trăng. - Sóc Trăng : Tỉnh uỷ Sóc Trăng. - 1 tuần 3 kỳ. - 42 cm

211. Sóc Trăng. - Sóc Trăng : Tỉnh uỷ Sóc Trăng. - Hàng tuần. - 31x42 cm

212. Sơn La. - Sơn La : Tỉnh uỷ Sơn La. - Hàng ngày. - 51 cm

213. Tây Ninh. - Tây Ninh : Tỉnh uỷ Tây Ninh. - Hàng ngày. - 42 cm

214. Thái Bình. - Thái Bình : Tỉnh uỷ Thái Bình. - Hàng ngày. - 40x60 cm

215. Thái Bình cuối tuần. - Thái Bình : Tỉnh uỷ Thái Bình. - Hàng tuần. - 40x60 cm

216. Thái Nguyên. - Thái Nguyên : Tỉnh uỷ Thái Nguyên. - Hàng ngày. - 60 cm

217. Thái Nguyên hàng tháng. - Thái Nguyên : Tỉnh uỷ Thái Nguyên. - Hàng tháng. - 21x29 cm

218. Thanh Hoá. - Thanh Hoá : Tỉnh uỷ Thanh Hoá. - Hàng ngày. - 57 cm

219. Thanh Hoá cuối tuần. - Thanh Hoá : Tỉnh uỷ Thanh Hoá. - Hàng tuần. - 30x40 cm

220. Thanh Hoá hàng tháng. - Thanh Hoá : Tỉnh uỷ Thanh Hoá. - Hàng tháng. - 45 cm

221. Thư mục toàn văn. - Cần Thơ : Thư viện thành phố Cần Thơ. - Hàng quý. - 21x30 cm

222. Thừa Thiên Huế. - Thừa Thiên Huế : Tỉnh uỷ Thừa Thiên Huế. - Hàng ngày. - 58 cm

223. Thừa Thiên Huế cuối tuần. - Thừa Thiên Huế : Tỉnh uỷ Thừa Thiên Huế. - Hàng tuần. - 52 cm

224. Tin ảnh Sơn La. - Sơn La : Tỉnh uỷ Sơn La. - 2 tuần 1 kỳ. - 29x40 cm

225. Trà Vinh. - Trà Vinh : Tỉnh uỷ Trà Vinh. - 1 tuần 3 kỳ. - 42 cm

226. Trà Vinh (Tiếng dân tộc). - Trà Vinh : Tỉnh uỷ Trà Vinh. - 1 tuần 3 kỳ. - 29x42 cm

227. Tuổi trẻ cuối tuần. - Tp. Hồ Chí Minh : Thành đoàn Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tuần. - 27 cm

228. Tuổi trẻ cười. - Tp. Hồ Chí Minh : Thành đoàn Tp. Hồ Chí Minh. - 2 tuần 1 kỳ. - 27 cm

229. Tuổi trẻ Thành phố Hồ Chí Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Thành đoàn Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng ngày. - 40 cm

230. Tuổi trẻ Thủ đô. - H. : Thành đoàn Hà Nội. - Hàng ngày. - 42 cm

231. Tuổi trẻ và đời sống. - H. : Thành đoàn Hà Nội. - Hàng ngày. - 42 cm

232. Tuyên Quang. - Tuyên Quang : Tỉnh uỷ Tuyên Quang. - Hàng ngày. - 58 cm

233. Tuyên Quang vùng cao. - Tuyên Quang : Tỉnh uỷ Tuyên Quang. - 2 tuần 1 kỳ. - 24x35 cm

234. Văn hoá và đời sống. - Thanh Hoá : Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá. - 1 tuần 2 kỳ. - 29x42 cm

235. Văn nghệ - Đồng Tháp. - Đồng Tháp : Hội Văn học nghệ thuật Đồng Tháp. - Hàng tháng. - 41 cm

236. Văn nghệ (Thành phố Hồ Chí Minh). - Tp. Hồ Chí Minh : Hội Văn học nghệ thuật Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng ngày. - 41 cm

237. Văn nghệ Thái Nguyên. - Thái Nguyên : Hội Văn học nghệ thuật Thái Nguyên. - 2 tuần 1 kỳ. - 42 cm

238. Vĩnh Long. - Vĩnh Long : Tỉnh uỷ Vĩnh Long. - Hàng ngày. - 26 cm

239. Vĩnh Phúc. - Vĩnh Phúc : Tỉnh uỷ Vĩnh Phúc. - Hàng ngày. - 48 cm

240. Vĩnh Phúc chủ nhật. - Vĩnh Yên : Tỉnh uỷ Vĩnh Phúc. - Hàng tuần. - 29x41 cm

241. Vĩnh Phúc cuối tuần. - Vĩnh Phúc : Tỉnh uỷ Vĩnh Phúc. - Hàng tuần. - 29x42 cm

242. Vũng Tàu chủ nhật. - Vũng Tàu : Tỉnh uỷ Bà Rịa - Vũng Tàu. - Hàng tuần. - 26 cm

243. Yên Bái. - Yên Bái : Tỉnh uỷ Yên Bái. - Hàng ngày. - 42 cm

3.1.1.2.2 TIẾNG NƯỚC NGOÀI

244. 西貢解放日報日報. - Tp. Hồ Chí Minh : Thành uỷ Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng ngày. - 52 cm

3.1.2 TẠP CHÍ VÀ TẬP SAN

3.1.2.1 TẠP CHÍ VÀ TẬP SAN XUẤT BẢN Ở TRUNG ƯƠNG

3.1.2.1.1 TIẾNG VIỆT

245. An toàn Thông tin. - H. : Ban Cơ yếu Chính phủ. - Hàng quý. - 20x28 cm

246. An toàn vệ sinh lao động. - H. : Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. - Hàng tháng. - 28 cm

247. Ánh sáng và cuộc sống. - H. : Hội Chiếu sáng Việt Nam. - Hàng tháng. - 29 cm

248. Âm nhạc Việt Nam. - H. : Hội Nhạc sĩ Việt Nam. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm

249. Bác học nhí. - H. : Nxb. Kim Đồng. - Hàng tháng. - 27x21 cm

250. Bản tin Chung niềm tin. - H. : Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm

251. Bản tin chuyên đề khoa học: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - H. : Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Hàng tháng. - 29 cm
252. Bản tin Công nghiệp hoá chất. - H. : Tập đoàn Hoá chất Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
253. Bản tin Cựu chiến binh. - H. : Hội Cựu chiến binh Việt Nam. - Hàng tháng. - 19 cm
254. Bảo hiểm xã hội. - H. : Bảo hiểm xã hội Việt Nam. - Hàng tháng. - 29 cm
255. Bảo vệ pháp luật cuối tháng. - H. : Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. - Hàng tháng. - 27 cm
256. Báo cáo viên. - H. : Trung tâm Thông tin Công tác Tuyên giáo. - Hàng tháng. - 27 cm
257. Biển Việt Nam. - H. : Hội Khoa học Kỹ thuật Biển Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
258. Các vấn đề quốc tế. - H. : Thông tấn xã Việt Nam. - Hàng tháng. - 26 cm
259. Cao su Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. - 2 tuần 1 kỳ. - 29 cm
260. Cầu đường Việt Nam. - H. : Hội KHKT Cầu đường Việt Nam. - Hàng tháng. - 29 cm
261. Chất lượng và cuộc sống. - H. : Hội KHKT về Tiêu chuẩn và Chất lượng Việt Nam. - Hàng tháng. - 21x29 cm
262. Châu Mỹ ngày nay. - H. : Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
263. Chính trị và phát triển. - H. : Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật. - 2 tháng 1 kỳ. - 28 cm
264. Chủ nghĩa xã hội lý luận và thực tiễn. - H. : Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 19x26 cm
265. Chuyên đề Tim mạch học. - H. : Nxb. Y học. - Hàng tháng. - 29 cm
266. Chứng khoán Việt Nam. - H. : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. - Hàng tháng. - 28 cm
267. Con đường xanh. - H. : Hội Bảo vệ Môi trường. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm
268. Con số và sự kiện. - H. : Tổng cục Thống kê. - 2 tuần 1 kỳ. - 27 cm
269. Công nghiệp tàu thủy Việt Nam. - H. : Hội KHKT Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam. - Hàng tháng. - 29 cm
270. Công nghiệp tự động hoá. - H. : Nxb. Thanh niên. - Hàng tháng. - 21x28 cm
271. Công nghiệp và tiêu dùng. - H. : Hiệp hội Doanh nghiệp Công nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam. - Hàng tháng. - 28 cm
272. Công Thương - Các kết quả Nghiên cứu khoa học và Ứng dụng công nghệ. - H. : Bộ Công Thương. - 2 tuần 1 kỳ. - 29 cm
273. Công Thương - Chuyên đề dân tộc thiểu số và miền núi. - H. : Bộ Công Thương. - Hàng tuần. - 29 cm
274. Cơ khí Việt Nam. - H. : Hội Cơ khí Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
275. Dạy và học ngày nay. - H. : Hội Khuyến học Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
276. Dân chủ và pháp luật. - H. : Bộ Tư pháp. - Hàng tháng. - 27 cm
277. Dân chủ và pháp luật - Chuyên đề. - H. : Bộ Tư pháp. - Hàng tháng. - 27 cm
278. Dệt May và Thời trang Việt Nam. - H. : Tập đoàn Dệt May Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
279. Di sản văn hoá. - H. : Cục Di sản văn hoá. - Hàng quý. - 28 cm
280. Diễn đàn văn nghệ Việt Nam. - H. : Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
281. Doanh nghiệp và Hội nhập. - H. : Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam. - Hàng tháng. - 29 cm
282. Doanh nghiệp và Thương hiệu. - H. : Hiệp hội Varisme. - Hàng tháng. - 29x23 cm
283. Doanh nhân. - H. : Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. - Hàng tháng. - 28 cm
284. Doanh nhân và pháp luật. - H. : Bộ Tư pháp. - 1 tuần 2 kỳ. - 29 cm
285. Doanh nhân và pháp lý. - H. : Viện Hỗ trợ pháp lý và Bảo vệ môi trường. - Hàng tháng. - 23x29 cm
286. Du lịch Việt Nam. - H. : Tổng cục Du lịch. - Hàng tháng. - 27 cm

287. Đại biểu nhân dân chuyên đề dân tộc. - H. : Văn phòng Quốc hội. - Hàng tuần. - 28 cm
288. Đại đoàn kết. - H. : Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. - Hàng tuần. - 28 cm
289. Đầu tư chứng khoán. - H. : Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - 1 tuần 3 kỳ. - 29 cm
290. Đẹp. - H. : Báo ảnh Việt Nam. - Hàng tháng. - 29 cm
291. Địa kỹ thuật. - H. : Viện Địa kỹ thuật. - Hàng quý. - 29 cm
292. Đời mới. - H. : Hội Người mù Việt Nam. - 2 tháng 1 kỳ. - 28 cm
293. Forbes Việt Nam. - H. : Báo Văn hoá. - Hàng tháng. - 26x20 cm
294. Giải pháp tài chính cho giới thượng lưu. - H. : Nxb. Thanh niên. - Hàng quý. - 23x30 cm
295. Giáo chức Việt Nam. - H. : Hội Cựu giáo chức Việt Nam. - Hàng tháng. - 26 cm
296. Giáo dục âm nhạc. - H. : Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam. - Hàng quý. - 26 cm
297. Giáo dục và Xã hội. - H. : Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam. - Hàng tháng. - 28 cm
298. Hạnh phúc gia đình. - H. : Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. - Hàng tuần. - 27 cm
299. Hoa học trò. - H. : Báo Tiền phong. - Hàng tuần. - 25 cm
300. Hoa Trạng nguyên. - H. : Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 23x15 cm
301. Hoá học và ứng dụng. - H. : Hội Hoá học Việt Nam. - Hàng quý. - 27 cm
302. Học trò cười. - H. : Báo Thiếu niên Tiền Phong. - Hàng tuần. - 20 cm
303. Hồ sơ sự kiện. - H. : Tạp chí Cộng sản. - 2 tuần 1 kỳ. - 26 cm
304. Hỗ trợ phát triển. - H. : Ngân hàng Phát triển Việt Nam. - Hàng tháng. - 29 cm
305. Journal of human resources and social protection - Nguồn nhân lực và an sinh xã hội. - H. : Trường Đại học Lao động - Xã hội. - Hàng tháng. - 20x28 cm
306. Khảo cổ học. - H. : Viện Khảo cổ học. - 2 tháng 1 kỳ. - 25 cm
307. Khoa học Chính trị quân sự. - H. : Trường Đại học Chính trị - Bộ Quốc phòng. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm
308. Khoa học khám phá (Ấn phẩm của báo Nhi đồng). - H. : Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. - Hàng tuần. - 27 cm
309. Khoa học kỹ thuật thú y. - H. : Hội Thú y Việt Nam. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm
310. Khoa học thể thao. - H. : Viện Khoa học Thể dục thể thao. - Hàng tháng. - 27 cm
311. Khoa học và công nghệ (Tạp chí Công Thương). - H. : Bộ Khoa học và Công nghệ. - Hàng quý. - 27 cm
312. Khoa học và công nghệ nghề cá biển. - H. : Nxb. Nông nghiệp. - Hàng quý. - 19x27 cm
313. Khoa học và công nghệ thuỷ lợi. - H. : Viện Khoa học Thuỷ lợi Việt Nam. - Hàng quý. - 29x20 cm
314. Khoa học xã hội Việt Nam. - H. : Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. - Hàng tháng. - 25 cm
315. Không gian phong cách. - H. : Nxb. Thanh niên. - Hàng quý. - 24x26 cm
316. Kiến thức chăn nuôi heo. - H. : Nxb. Thông tấn. - Hàng tháng. - 28 cm
317. Kiến thức gia đình. - H. : Báo Nông nghiệp. - Hàng tuần. - 19 cm
318. Kiến trúc. - H. : Hội Kiến trúc sư Việt Nam. - Hàng tháng. - 24x25 cm
319. Kiến trúc nhà đẹp. - H. : Hội Kiến trúc sư Việt Nam. - Hàng tháng. - 29 cm
320. Kiến trúc Việt nam. - H. : Bộ Xây dựng. - Hàng tháng. - 29 cm
321. Kinh doanh và biên mậu Việt Nam. - H. : Hiệp hội Thương nhân kinh doanh biên mậu Việt Nam. - Hàng tháng. - 22x29 cm
322. Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương. - H. : Trung tâm Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương. - 2 tuần 1 kỳ. - 27 cm
323. Kinh tế môi trường. - H. : Hội Kinh tế Môi trường Việt Nam. - Hàng tháng. - 28 cm
324. Kinh tế nông thôn. - H. : Hội Làm vườn Việt Nam. - Tháng 3 kỳ. - 20x29 cm
325. Kinh tế tài chính Việt Nam. - Hà Nội : Viện Chiến lược và Chính sách tài chính. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm

326. Kinh tế và Dự báo. - H. : Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - 2 tuần 1 kỳ. - 26 cm
327. Kinh tế và Quản lý. - H. : Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 29x20 cm
328. Làng nghề Việt Nam. - H. : Hiệp hội Làng nghề Việt Nam. - Hàng tuần. - 21x30 cm
329. Làng Việt. - H. : Ban Quản lý Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
330. Lao động và Công đoàn. - H. : Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. - 2 tuần 1 kỳ. - 27 cm
331. Lao động và Sáng tạo. - H. : Hiệp hội Những người lao động sáng tạo Việt Nam. - Hàng tháng. - 21x27 cm
332. L'Officiel Vietnam. - H. : Nxb. Hồng Đức. - Hàng tháng. -
333. Lưu trữ và Thời đại. - H. : Hội Văn thư Lưu trữ Việt Nam. - Hàng quý. - 26x18 cm
334. Lý luận chính trị. - H. : Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 27 cm
335. Lý luận chính trị và Truyền thông. - H. : Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 27 cm
336. Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật. - H. : Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương. - Hàng tháng. - 26x18 cm
337. Măng non. - H. : Báo Nhi đồng. - 2 tuần 1 kỳ. - 28 cm
338. Mekong - Asean. - H. : Hội phát triển hợp tác kinh tế Việt Nam - Asean. - Hàng tuần. - 21x27 cm
339. Men & life. - H. : Nxb. Thanh niên. - Hàng quý. - 23x30 cm
340. Men's folio Vietnam. - H. : Nxb. Thanh niên. - Hàng tháng. - 23x30 cm
341. Môi trường và Cuộc sống. - H. : Hội Nước sạch và Môi trường Việt Nam. - Hàng tháng. - 28x20 cm
342. Môi trường và Xã hội. - H. : Viện Phát triển năng lực cộng đồng và Môi trường. - Hàng tháng. - 28 cm
343. Mốt. - H. : Viện Mẫu Thời trang Việt Nam. - Hàng tháng. - 28x20 cm
344. Mỹ thuật. - H. : Hội Mỹ thuật Việt Nam. - Hàng tháng. - 24 cm
345. Năng lượng mới. - H. : Hội Dầu khí Việt Nam. - Hàng tuần. - 21x29 cm
346. Năng lượng Việt Nam. - H. : Hiệp hội Năng lượng Việt Nam. - Hàng tháng. - 29x21 cm
347. Nghề luật. - H. : Học viện Tư pháp. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm
348. Nghiên cứu Âm nhạc. - H. : Viện Âm nhạc. - 1 năm 3 kỳ. - 28 cm
349. Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á. - H. : Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á. - Hàng tháng. - 26 cm
350. Nghiên cứu chuyên đề. - H. : Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Hàng tháng. - 19x26 cm
351. Nghiên cứu con người. - H. : Viện Nghiên cứu con người. - 2 tháng 1 kỳ. - 26 cm
352. Nghiên cứu Địa lý nhân văn. - H. : Viện Địa lý nhân văn. - Hàng quý. - 29x20 cm
353. Nghiên cứu Đông Bắc Á. - H. : Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
354. Nghiên cứu Đông Nam Á. - H. : Viện Nghiên cứu Đông Nam Á. - Hàng tháng. - 27 cm
355. Nghiên cứu Gia đình và Giới. - H. : Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới. - Hàng quý. - 27 cm
356. Nghiên cứu Hải quan. - H. : Tổng cục Hải quan. - Hàng tháng. - 29 cm
357. Nghiên cứu khoa học sinh viên. - H. : Học viện Tài chính. - 2 tháng 1 kỳ. - 29 cm
358. Nghiên cứu Kinh tế. - H. : Viện Kinh tế Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
359. Nghiên cứu Lập pháp. - H. : Viện Nghiên cứu Lập pháp. - 2 tuần 1 kỳ. - 26 cm
360. Nghiên cứu Lịch sử. - H. : Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. - Hàng tháng. - 29 cm
361. Nghiên cứu quốc tế. - H. : Học viện Ngoại giao. - Hàng quý. - 27 cm
362. Nghiên cứu Tài chính Kế toán. - H. : Học viện Tài chính. - Hàng tháng. - 27 cm
363. Nghiên cứu Tôn giáo. - H. : Viện Nghiên cứu Tôn giáo. - Hàng tháng. - 27 cm

364. Nghiên cứu Trung Quốc. - H. : Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia. - Hàng tháng. - 27 cm

365. Nghiên cứu Văn hoá Việt Nam. - H. : Viện Nghiên cứu Văn hoá - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. - 2 tháng 1 kỳ. - 30 cm

366. Nghiên cứu Văn học. - H. : Viện Văn học. - Hàng tháng. - 27 cm

367. Ngoại khoa và phẫu thuật nội soi Việt Nam. - H. : Hội Ngoại khoa và Phẫu thuật nội soi Việt Nam. - Hàng quý. - 29 cm

368. Ngôn ngữ. - H. : Viện Ngôn ngữ. - 2 tuần 1 kỳ. - 24 cm

369. Ngôn ngữ và Đời sống. - H. : Hội Ngôn ngữ học Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm

370. Nguồn sáng dân gian. - H. : Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam. - Hàng quý. - 24 cm

371. Người bảo trợ. - H. : Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam. - 2 tháng 1 kỳ. - 28 cm

372. Người Công giáo Việt Nam. - H. : Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam. - Hàng tuần. - 42 cm

373. Người đô thị. - H. : Viện Nghiên cứu đô thị và Phát triển hạ tầng. - Hàng tháng. - 28 cm

374. Người làm báo. - H. : Hội Nhà báo Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm

375. Người phụ trách. - H. : Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 27 cm

376. Người xây dựng. - H. : Tổng hội Xây dựng Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm

377. Nhà nước và pháp luật. - H. : Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia. - Hàng tháng. - 27 cm

378. Nhà văn và cuộc sống. - H. : Hội Nhà văn Việt Nam. - 2 tháng 1 kỳ. - 24 cm

379. Nhân dân hằng tháng. - H. : Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. - Hàng tháng. - 28 cm

380. Nhân đạo. - H. : Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. - 2 tuần 1 kỳ. - 30 cm

381. Nhân đạo - Chuyên đề dân tộc và miền núi. - H. : Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. - 2 tuần 1 kỳ. - 28 cm

382. Nhân lực Khoa học xã hội. - H. : Học viện Khoa học xã hội. - Hàng tháng. - 29 cm

383. Nhi đồng chăm học. - H. : Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. - Hàng tuần. - 26 cm

384. Nhi đồng cười vui. - H. : Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. - Hàng tuần. - 25 cm

385. Nhịp cầu đầu tư. - H. : Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài. - Hàng tuần. - 27 cm

386. Nhiếp ảnh và đời sống. - H. : Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam. - Hàng tháng. - 28 cm

387. Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới. - H. : Viện Kinh tế và Chính trị thế giới. - Hàng tháng. - 27 cm

388. Niên giám thông tin khoa học xã hội. - H. : Viện Thông tin Khoa học xã hội. - Hàng năm. - 23 cm

389. Nông thôn mới. - H. : Hội Nông dân Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm

390. Nông thôn ngày nay. - H. : Hội Nông dân Việt Nam. - Hàng tuần. - 29 cm

391. Nông thôn Việt. - H. : Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. - Hàng tháng. - 29 cm

392. Ô tô xe máy Việt Nam. - H. : Viện Ứng dụng Công nghệ Môi trường Đô thị. - Hàng tháng. - 27 cm

393. Phái đẹp ELLE. - H. : Hiệp hội Nữ doanh nhân Hà Nội. - Hàng tháng. - 28 cm

394. Pháp lý hàng tháng. - H. : Viện Khoa học Pháp lý và Kinh doanh quốc tế. - 2 tuần 1 kỳ. - 24 cm

395. Phong cách - Harper's Bazaar. - H. : Nxb. Văn học. - Hàng tháng. - 24 cm

396. Phòng cháy và chữa cháy. - H. : Trường Đại học Phòng cháy Chữa cháy. - Hàng tháng. - 21x29 cm

397. Phương Đông. - H. : Viện Nghiên cứu Phát triển Phương Đông. - Hàng tháng. - 21x30 cm

398. Quản lý nhà nước. - H. : Học viện Hành chính Quốc gia. - Hàng tháng. - 27 cm

399. Quê hương. - H. : Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài. - Hàng tháng. - 29 cm

400. Quê hương ngày nay. - H. : Hiệp hội Phân bón Việt Nam. - Hàng quý. - 22x29 cm

401. Quy hoạch xây dựng. - H. : Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia. - 2 tháng 1 kỳ. - 30 cm
402. Sân khấu. - H. : Hội Nghệ sỹ Sân khấu Việt Nam. - Hàng tháng. - 30 cm
403. Sinh hoạt lý luận. - Đà Nẵng : Học viện Chính trị khu vực III. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm
404. Sự kiện và Nhân chứng. - H. : Báo Quân đội nhân dân. - Hàng tháng. - 27 cm
405. Sức khỏe cộng đồng. - H. : Hội Giáo dục chăm sóc sức khỏe cộng đồng Việt Nam. - 2 tuần 1 kỳ. - 21x27 cm
406. Sức khỏe cộng đồng cuối tháng. - H. : Hội Giáo dục chăm sóc sức khỏe cộng đồng Việt Nam. - Hàng tháng. - 21x27 cm
407. Sức khỏe và Đời sống. - H. : Bộ Y tế. - Hàng tuần. - 28 cm
408. Sức khỏe và đời sống - Chuyên đề dân tộc thiểu số và miền núi. - H. : Bộ Y tế. - Hàng tuần. - 28 cm
409. Sức khỏe và Đời sống - cuối tháng. - H. : Bộ Y tế. - Hàng tháng. - 27 cm
410. Tài chính. - H. : Bộ Tài chính. - 2 tuần 1 kỳ. - 29 cm
411. Tài liệu tham khảo. - H. : Thông tấn xã Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
412. Tài liệu tham khảo đặc biệt. - H. : Thông tấn xã Việt Nam. - Hàng ngày. - 27 cm
413. Tài nguyên và Môi trường. - H. : Bộ Tài nguyên và Môi trường. - 2 tuần 1 kỳ. - 27 cm
414. Tài nguyên và Môi trường - Chuyên đề dân tộc thiểu số và miền núi. - H. : Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Hàng tuần. - 28 cm
415. Tạp chí An toàn - Sức khỏe và Môi trường lao động. - H. : Viện Khoa học An toàn và Vệ sinh lao động. - Hàng quý. - 28x20 cm
416. Tạp chí Công nghệ sinh học. - H. : Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Hàng quý. - 27 cm
417. Tạp chí Công nghiệp mỏ. - H. : Hội Khoa học và Công nghệ mỏ Việt Nam. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm
418. Tạp chí Công tác Tôn giáo. - H. : Ban Tôn giáo Chính phủ. - Hàng tháng. - 27 cm
419. Tạp chí Công Thương. - H. : Bộ Công Thương. - Hàng tháng. - 27 cm
420. Tạp chí Cộng sản. - H. : Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
421. Tạp chí Dân tộc. - H. : Ủy ban Dân tộc. - Hàng tháng. - 27 cm
422. Tạp chí Dân tộc học. - H. : Viện Dân tộc học. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm
423. Tạp chí Dân vận. - H. : Ban Dân vận Trung ương. - Hàng tháng. - 27 cm
424. Tạp chí Dầu khí. - H. : Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. - Hàng tháng. - 30 cm
425. Tạp chí Doanh nghiệp Cơ khí và Đời sống. - H. : Hiệp hội Doanh nghiệp cơ khí Việt Nam. - 2 tháng 1 kỳ. - 29 cm
426. Tạp chí Dược liệu. - H. : Viện Dược liệu. - 2 tháng 1 kỳ. - 30 cm
427. Tạp chí Đông y. - H. : Hội Y học cổ truyền Việt Nam. - Hàng quý. - 27 cm
428. Tạp chí Đồng hành Việt. - H. : Liên Hiệp hội về người khuyết tật Việt Nam. - Hàng tháng. - 20x29 cm
429. Tạp chí Giao thông vận tải. - H. : Bộ Giao thông vận tải. - Hàng tháng. - 27 cm
430. Tạp chí Giáo dục. - H. : Bộ Giáo dục và Đào tạo. - 2 tuần 1 kỳ. - 27 cm
431. Tạp chí Giáo dục lý luận. - H. : Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 27 cm
432. Tạp chí Hán Nôm. - H. : Viện Nghiên cứu Hán Nôm. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm
433. Tạp chí Hậu cần quân đội. - H. : Tổng cục Hậu cần. - 2 tháng 1 kỳ. - 24 cm
434. Tạp chí In và Truyền thông. - H. : Bộ Thông tin và Truyền thông. - 1 năm 3 kỳ. - 30 cm
435. Tạp chí Kế toán và Kiểm toán. - H. : Hiệp hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
436. Tạp chí Khoa học - Các Khoa học Trái đất và Môi trường. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - Hàng quý. - 27 cm
437. Tạp chí Khoa học - Khoa học Giáo dục. - H. : Đại học Sư phạm Hà Nội. - Hàng quý. - 19x27 cm
438. Tạp chí Khoa học - Khoa học Tự nhiên. - H. : Đại học Sư phạm Hà Nội. - Hàng quý. - 19x27 cm

439. Tạp chí Khoa học - Khoa học tự nhiên & Công nghệ. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - Hàng quý. - 27 cm
440. Tạp chí Khoa học - Khoa học Xã hội. - H. : Đại học Sư phạm Hà Nội. - Hàng quý. - 19x27 cm
441. Tạp chí Khoa học - Luật học. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - Hàng quý. - 27x19 cm
442. Tạp chí Khoa học - Nghiên cứu giáo dục. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - Hàng quý. - 27 cm
443. Tạp chí Khoa học chính trị. - Tp. Hồ Chí Minh : Học viện Chính trị khu vực II. - Hàng tháng. - 27 cm
444. Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải. - Hải Phòng : Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. - Hàng quý. - 29 cm
445. Tạp chí Khoa học công nghệ xây dựng. - H. : Viện Khoa học công nghệ xây dựng. - Hàng quý. - 27 cm
446. Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ. - H. : Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ. - Hàng quý. - 26x19 cm
447. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam. - H. : Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. - Hàng tháng. - 29 cm
448. Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi. - H. : Hội Chăn nuôi Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
449. Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường. - H. : Trường Đại học Thủy lợi. - Hàng quý. - 29x20 cm
450. Tạp chí Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển. - H. : Trường Đại học Y tế công cộng. - Hàng quý. - 19x26 cm
451. Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ. - H. : Trường Đại học Hà Nội. - Hàng quý. - 25 cm
452. Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự. - H. : Học viện Khoa học Quân sự - Bộ Quốc phòng. - 2 tháng 1 kỳ. - 28 cm
453. Tạp chí Khoa học nông nghiệp Việt Nam. - H. : Học viện Nông nghiệp Việt Nam. - Hàng tháng. - 28 cm
454. Tạp chí Khoa học thương mại. - H. : Trường Đại học Thương mại. - Hàng tháng. - 26 cm
455. Tạp chí Khoa học và Công nghệ. - H. : Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. - Hàng quý. - 21x26 cm
456. Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp). - H. : Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp. - Hàng quý. - 29x20 cm
457. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển. - H. : Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Hàng quý. - 26 cm
458. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nhiệt đới. - H. : Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga. - Hàng quý. - 26x19 cm
459. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - H. : Bộ Khoa học và Công nghệ. - Hàng tháng. - 27 cm
460. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam (B). - H. : Bộ Khoa học và Công nghệ. - Hàng tháng. - 28x22 cm
461. Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng. - H. : Học viện Ngân hàng. - Hàng tháng. - 27 cm
462. Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung. - H. : Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ. - 2 tuần 1 kỳ. - 29 cm
463. Tạp chí Khoa học xã hội Tây Nguyên. - Tây Nguyên : Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên. - Hàng quý. - 27 cm
464. Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn. - H. : Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội. - Hàng tháng. - 25 cm
465. Tạp chí Khoa học: Công nghệ thông tin - Truyền thông. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - Hàng quý. - 27 cm
466. Tạp chí Khoa học: Toán - Lý. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - Hàng quý. - 27 cm
467. Tạp chí Kiểm nghiệm thuốc. - H. : Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương. - Hàng quý. - 27 cm
468. Tạp chí Kiểm sát. - H. : Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. - 2 tuần 1 kỳ. - 26 cm
469. Tạp chí Kiểm tra. - H. : Ủy ban Kiểm tra Trung ương. - Hàng tháng. - 27 cm
470. Tạp chí Kiến thức Quốc phòng hiện đại. - H. : Bộ Quốc phòng. - Hàng tháng. - 24 cm
471. Tạp chí Kinh tế. - H. : Ban Kinh tế Trung ương. - Hàng tháng. - 29 cm

472. Tạp chí Kinh tế và Kinh doanh. - H. : Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội. - Hàng quý. - 27 cm
473. Tạp chí Lao động và Xã hội. - H. : Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - 2 tuần 1 kỳ. - 27 cm
474. Tạp chí Lịch sử Đảng. - H. : Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 25 cm
475. Tạp chí Lịch sử quân sự. - H. : Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
476. Tạp chí Luật học. - H. : Trường Đại học Luật Hà Nội. - Hàng tháng. - 27 cm
477. Tạp chí Luật sư Việt Nam. - H. : Liên đoàn Luật sư Việt Nam. - Hàng tháng. - 28x20 cm
478. Tạp chí Lưu trữ và Thời đại. - H. : Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước. - Hàng tháng. - 27 cm
479. Tạp chí Mặt trận. - H. : Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
480. Tạp chí Ngân hàng. - H. : Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
481. Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông. - H. : Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông. - Hàng tháng. - 28 cm
482. Tạp chí Nghiên cứu Công nghiệp và Thương mại. - H. : Bộ Công Thương. - Hàng tháng. - 20x29 cm
483. Tạp chí Nghiên cứu dân tộc. - H. : Học viện Dân tộc. - Hàng quý. - 26 cm
484. Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh. - H. : Viện Hồ Chí Minh và các Lãnh tụ của Đảng. - Hàng tháng. - 27 cm
485. Tạp chí Nghiên cứu khoa học kiểm toán. - H. : Kiểm toán Nhà nước. - Hàng tháng. - 29 cm
486. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Công nghệ quân sự. - H. : Viện Khoa học và Công nghệ quân sự. - Hàng quý. - 27 cm
487. Tạp chí Nghiên cứu Phật học. - H. : Giáo hội Phật giáo Việt Nam. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm
488. Tạp chí Nghiên cứu Y học. - H. : Trường Đại học Y Hà Nội. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm
489. Tạp chí Người cao tuổi. - H. : Hội Người cao tuổi Việt Nam. - Hàng tháng. - 29 cm
490. Tạp chí Nhân quyền Việt Nam. - H. : Văn phòng Thường trực Ban chỉ đạo về Nhân quyền. - Hàng tháng. - 29x20 cm
491. Tạp chí Nội chính. - H. : Ban Nội chính Trung ương. - 2 tháng 1 kỳ. - 26x19 cm
492. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - H. : Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - 2 tuần 1 kỳ. - 29 cm
493. Tạp chí Phân tích Hoá, Lý và Sinh học. - H. : Hội KHKHT Phân tích Hoá, Lý và Sinh học Việt Nam. - Hàng quý. - 27 cm
494. Tạp chí Pi. - H. : Hội Toán học Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
495. Tạp chí Quản lý giáo dục. - H. : Học viện Quản lý giáo dục. - Hàng tháng. - 19x26 cm
496. Tạp chí Quản lý ngân quỹ Quốc gia. - H. : Kho bạc Nhà nước. - Hàng tháng. - 27 cm
497. Tạp chí Quốc phòng toàn dân. - H. : Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng. - Hàng tháng. - 27 cm
498. Tạp chí Sinh lý học Việt Nam. - H. : Tổng hội Y học Việt Nam; Hội Sinh lý học Việt Nam. - Hàng quý. - 27 cm
499. Tạp chí Tem. - H. : Hội Tem Việt Nam. - 2 tháng 1 kỳ. - 25 cm
500. Tạp chí Thanh niên. - H. : Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. - Hàng tuần. - 27 cm
501. Tạp chí Thanh tra. - H. : Thanh tra Chính phủ. - Hàng tháng. - 27 cm
502. Tạp chí Thiết bị giáo dục. - H. : Hiệp hội Thiết bị giáo dục Việt Nam. - 2 tuần 1 kỳ. - 27 cm
503. Tạp chí Thông tin và phát triển. - H. : Hội Thông tin Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Hàng tháng. - 29 cm
504. Tạp chí Thông tin và Tư liệu. - H. : Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm
505. Tạp chí Thuế Nhà nước. - H. : Tổng cục Thuế. - Hàng tuần. - 19x30 cm
506. Tạp chí Tòa án nhân dân. - H. : Tòa án nhân dân tối cao. - 2 tuần 1 kỳ. - 27 cm
507. Tạp chí Toán tuổi thơ. - H. : Nxb. Giáo dục. - Hàng tháng. - 23 cm

508. Tạp chí Toán tuổi thơ - Trung học cơ sở. - H. : Nxb. Giáo dục. - Hàng tháng. - 24 cm
509. Tạp chí Truyền hình Việt Nam. - H. : Đài Truyền hình Việt Nam. - 2 tuần 1 kỳ. - 29 cm
510. Tạp chí Văn hoá - Chuyên đề dân tộc thiểu số và miền núi. - H. : Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. - Hàng tuần. - 28 cm
511. Tạp chí Việt - Mỹ. - H. : Hội Việt Mỹ. - 2 tháng 1 kỳ. - 29 cm
512. Tạp chí Xăng dầu và Cuộc sống. - H. : Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam. - Hàng tháng. - 28x20 cm
513. Tạp chí Xây dựng. - H. : Bộ Xây dựng. - Hàng tháng. - 27 cm
514. Tạp chí Y Dược học. - H. : Bộ Y tế. - 2 tuần 1 kỳ. - 27 cm
515. Tạp chí Y Dược lâm sàng 108. - H. : Viện Nghiên cứu Khoa học Y Dược lâm sàng 108. - Hàng quý. - 28 cm
516. Tạp chí Y học dự phòng. - H. : Hội Y học dự phòng Việt Nam. - 2 tháng 1 kỳ. - 26 cm
517. Tạp chí Y học quân sự. - H. : Cục Quân y. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm
518. Tạp chí Y học Thảo mộc và Bông. - H. : Viện Bông quốc gia. - Hàng quý. - 27 cm
519. Tâm lý học. - H. : Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
520. Thể thao và cuộc sống. - H. : Ủy ban Olympic Việt Nam. - Hàng tháng. - 30 cm
521. Thế giới di sản. - H. : Hội Di sản Văn hoá Việt Nam. - Hàng tháng. - 28 cm
522. Thế giới điện ảnh. - H. : Hội Điện ảnh Việt Nam. - Hàng tháng. - 29 cm
523. Thế giới hội nhập. - H. : Nxb. Lao động. - Hàng tuần. - 23x30 cm
524. Thế giới số. - H. : Hội Tin học Việt Nam. - 2 tuần 1 kỳ. - 26 cm
525. Thế giới trong ta. - H. : Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Việt Nam. - 2 tuần 1 kỳ. - 27 cm
526. Thi đua Khen thưởng. - H. : Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương. - Hàng tháng. - 29 cm
527. Thị trường tài chính tiền tệ. - H. : Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam. - 2 tuần 1 kỳ. - 27 cm
528. Thiếu nhi dân tộc. - H. : Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 27 cm
529. Thiếu niên tiền phong. - H. : Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. - Hàng tuần. - 19x27 cm
530. Thông tin khoa học thống kê. - H. : Viện Khoa học Thống kê. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm
531. Thông tin khoa học xã hội. - H. : Viện Thông tin Khoa học xã hội. - Hàng tháng. - 27 cm
532. Thông tin phục vụ doanh nghiệp. - H. : Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. - Hàng tháng. - 21x29 cm
533. Thông tin Phục vụ lãnh đạo. - H. : Bộ Tài chính. - Hàng tháng. - 19 cm
534. Thông tin Tài chính. - H. : Viện Nghiên cứu Tài chính. - 2 tuần 1 kỳ. - 27 cm
535. Thông tin tư vấn thiết kế. - H. : Tổng Công ty Thiết kế Giao thông vận tải. - Hàng quý. - 27 cm
536. Thông tin và truyền thông - Bưu chính viễn thông và CNTT. - H. : Bộ Thông tin và Truyền thông. - Hàng tháng. - 28 cm
537. Thời gian. - H. : Nxb. Thanh niên. - Hàng quý. - 21x30 cm
538. Thuốc và sức khoẻ. - H. : Hội Dược học. - 2 tuần 1 kỳ. - 28 cm
539. Thủy sản Việt Nam. - H. : Hội Nghề cá Việt Nam. - 2 tuần 1 kỳ. - 27 cm
540. Tia sáng. - H. : Bộ Khoa học và Công nghệ. - 2 tuần 1 kỳ. - 29 cm
541. Tiếp thị và gia đình. - H. : Hiệp hội Quảng cáo Việt Nam. - Hàng tuần. - 29 cm
542. Tiền phong - Sắc màu - Dân tộc. - H. : Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. - Hàng tuần. - 27 cm
543. Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. - H. : Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. - 2 tuần 1 kỳ. - 26 cm
544. Tin tức - Chuyên đề dân tộc thiểu số và miền núi. - H. : Thông tấn xã Việt Nam. - Hàng tuần. - 28 cm
545. Tinh hoa Việt. - H. : Báo Đại đoàn kết. - 2 tuần 1 kỳ. - 28 cm

546. Toán học và tuổi trẻ. - H. : Nxb. Giáo dục. - Hàng tháng. - 27 cm
547. Tổ chức nhà nước. - H. : Bộ Nội vụ. - Hàng tháng. - 27 cm
548. Tổng luận Khoa học - Công nghệ - Kinh tế. - H. : Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. - Hàng tháng. - 25 cm
549. Trang trại Việt. - H. : Báo Nông thôn ngày nay. - Hàng quý. - 27 cm
550. Triết học. - H. : Viện Triết học. - Hàng tháng. - 26 cm
551. Truyền hình VTV Pay TV. - H. : Đài Truyền hình Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
552. Truyền nhiễm Việt Nam. - H. : Hội Truyền nhiễm Việt Nam. - Hàng quý. - 20x28 cm
553. Tuyên giáo. - H. : Ban Tuyên giáo Trung ương. - Hàng tháng. - 27 cm
554. Từ điển học và Bách khoa thư. - H. : Viện Từ điển học và Bách khoa thư. - 2 tháng 1 kỳ. - 24x17 cm
555. Văn hiến Việt Nam. - H. : Viện Nghiên cứu Bảo tồn và Phát huy Văn hoá dân tộc. - Hàng tháng. - 29 cm
556. Văn hoá doanh nghiệp Việt Nam. - H. : Hiệp hội Phát triển Văn hoá Doanh nghiệp Việt Nam. - Hàng tháng. - 29 cm
557. Văn hoá học. - H. : Viện Văn hoá Nghệ thuật quốc gia Việt Nam. - 2 tháng 1 kỳ. - 26x19 cm
558. Văn hoá Nghệ thuật. - H. : Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. - Hàng tháng. - 27 cm
559. Văn hoá Phật giáo Việt Nam. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng quý. - 29 cm
560. Văn hoá quân sự. - H. : Tạp chí Văn nghệ quân đội. - Hàng quý. - 28 cm
561. Văn học và tuổi trẻ. - H. : Nxb. Giáo dục. - Hàng tháng. - 16x23 cm
562. Văn nghệ quân đội. - H. : Tổng cục Chính trị. - Hàng tháng. - 23 cm
563. Vật liệu xây dựng. - H. : Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam. - Hàng tháng. - 29 cm
564. Vật lý ngày nay. - H. : Hội Vật lý Việt Nam. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm
565. Vật lý và tuổi trẻ. - H. : Hội Vật lý Việt Nam. - Hàng tháng. - 19x27 cm
566. Vì trẻ em. - H. : Báo Lao động và Xã hội. - 2 tuần 1 kỳ. - 20x29 cm
567. Việt Nam hội nhập. - H. : Viện Chính sách, Pháp luật và Quản lý - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. - Hàng tuần. - 21x30 cm
568. Wanderlust Tips. - H. : Nxb. Thế giới. - Hàng tháng. - 29 cm
569. Worldkings. - H. : Nxb. Thông tấn. - Hàng quý. - 21x30 cm
570. WOW. - H. : Nxb. Thông tấn. - Hàng quý. - 21x28 cm
571. Wowweekend - Trải nghiệm du lịch và phong cách sống độc đáo. - H. : Nxb. Thông tấn. - Hàng quý. - 21x30 cm
572. Xã hội học. - H. : Viện Xã hội học Việt Nam. - Hàng quý. - 27 cm
573. Xây dựng Đảng. - H. : Ban Tổ chức Trung ương Đảng. - Hàng tháng. - 26 cm
574. Xưa và Nay. - H. : Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. - Hàng tháng. - 27 cm
575. Y Dược học cổ truyền quân sự. - H. : Viện Y học cổ truyền Quân đội. - 1 năm 3 kỳ. - 27 cm
576. Y học Việt Nam. - H. : Tổng hội Y Dược học Việt Nam. - 2 tuần 1 kỳ. - 27 cm
577. Yacht style. - H. : Nxb. Thanh niên. - Hàng quý. - 25x33 cm

3.1.2.1.2 TIẾNG NƯỚC NGOÀI

578. Academia journal of biology. - H. : Vietnam Academy of Science and Technology. - Hàng quý. - 19x26 cm
579. Advances in Natural Sciences. - H. : Vietnam Academy of Science and Technology. - Hàng quý. - 25 cm
580. Communications in Physics. - H. : Vietnam Academy of Science and Technology. - Hàng quý. - 19x27 cm
581. International Studies. - H. : Học viện Ngoại giao. - Không đều kỳ. - 27 cm

582. Journal of Computer Science and Cybernetics. - H. : Vietnam Academy of Science and Technology. - Hàng quý . - 19x26 cm

583. Journal of Science: Advanced Materials and Devices. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội. - Hàng quý . - 20x27 cm

584. Journal of trade science. - H. : The Journal of Thươngmai University. - Hàng quý . - 19x27 cm

585. Philosophy. - H. : Viện Triết học. - Hàng quý . - 27 cm

586. Vietnam business forum. - H. : The Vietnam Chamber of Commerce and Industry . - 2 tuần 1 kỳ. - 20x28 cm

587. Vietnam Journal of Biotechnology. - H. : Vietnam Academy of Science and Technology. - Hàng quý . - 19x27 cm

588. Vietnam Journal of Marine Science and Technology. - H. : Vietnam Academy of Science and Technology. - Hàng quý . - 19x27 cm

589. Vietnam Journal of Mechanics. - H. : Vietnam Academy of Science and Technology. - Hàng quý . - 26 cm

590. Vietnam Journal of Science and Technology. - H. : Vietnam Academy of Science and Technology. - 2 tháng 1 kỳ. - 26 cm

591. Vietnam taxation. - H. : The magazine of general department of taxation. - Hàng tháng. - 29 cm

592. Vietnam's Socio-economic development. - H. : Vietnam Institute of Economics - Vietnam Academy of Social Sciences. - Hàng quý . - 27 cm

3.1.2.2 TẠP CHÍ VÀ TẠP SAN XUẤT BẢN Ở ĐỊA PHƯƠNG

3.1.2.2.1 TIẾNG VIỆT

593. Âm nhạc học. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - Không đều kỳ. - 20x28 cm

594. Bản tin Bắc Bình. - Bình Thuận : Phòng Văn hoá và Thông tin huyện Bắc Bình. - Không đều kỳ. - 27 cm

595. Bản tin Khoa học (Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang). - Kiên Giang : Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang. - Không đều kỳ. - 29 cm

596. Bản tin Khoa học và Công nghệ. - Hải Dương : Sở Khoa học và Công nghệ Hải Dương. - 2 tháng 1 kỳ. - 19x27 cm

597. Bản tin Khoa học và Công nghệ. - An Giang : Sở Khoa học và Công nghệ An Giang. - 2 tháng 1 kỳ. - 21x30 cm

598. Bản tin Khoa học và Giáo dục (Trường Đại học Yersin Đà Lạt). - Lâm Đồng : Trường Đại học Yersin Đà Lạt. - Hàng quý. - 30 cm

599. Bản tin Sức khỏe cho mọi người. - Cần Thơ : Sở Y tế Tp. Cần Thơ. - Hàng quý. - 19x27 cm

600. Bản tin sức khỏe Hà Giang. - Hà Giang : Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe Hà Giang. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm

601. Bản tin Y tế Lai Châu. - Lai Châu : Trung tâm Truyền thông Giáo dục Sức khỏe Lai Châu. - Hàng tháng. - 19x27 cm

602. Bắc Giang cuối tháng. - Bắc Giang : Tỉnh uỷ Bắc Giang. - Hàng tháng. - 19x27 cm

603. Bắc Ninh hàng tháng. - Bắc Ninh : Tỉnh uỷ Bắc Ninh. - Hàng tháng. - 28 cm

604. Chiêu Anh Các. - Kiên Giang : Hội Văn học nghệ thuật Kiên Giang. - 2 tháng 1 kỳ. - 19x27 cm

605. Chuyên đề tâm thần học. - H. : Nxb. Y học. - Hàng quý. - 20x28 cm

606. Chư Yang Sin. - Đắk Lắk : Hội Văn học nghệ thuật Đắk Lắk. - Hàng tháng. - 19x25 cm

607. Công báo Bình Dương. - Bình Dương : Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương. - Hàng tháng. - 21x29 cm

608. Cửa biển. - Hải Phòng : Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hải Phòng. - Hàng tháng. - 19x27 cm

609. Cửa Việt. - Quảng Trị : Hội Văn học nghệ thuật Quảng Trị. - Hàng tháng. - 23 cm

610. Cự chiến binh Tp. Hồ Chí Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Hội Cự chiến binh Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 19x27 cm

611. Đắc Lắc. - Đắc Lắc : Tỉnh uỷ Đắc Lắc. - Hàng tháng. - 21x30 cm

612. Đặc san khuyến nông Kiên Giang. - Kiên Giang : Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kiên Giang. - Không đều kỳ. - 28 cm

613. Đặc san Kinh tế xã hội - Thủ đô. - H. : Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội. - 2 tháng 1 kỳ. - 21x28 cm

614. Đặc san Văn hoá, Thể thao và Du lịch. - Kiên Giang : Sở Văn hoá và Thể thao Kiên Giang. - Hàng quý. - 27 cm

615. Đất Quảng. - Quảng Nam : Hội Văn học nghệ thuật Quảng Nam. - Hàng tháng. - 19x24 cm

616. Đồng Tháp xưa & nay. - Đồng Tháp : Hội khoa học Lịch sử Đồng Tháp. - Không đều kỳ. - 20x29 cm

617. Đời sống văn hoá. - Cần Thơ : Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Tp. Cần Thơ. - Hàng quý. - 29 cm

618. Hà Nam. - Hà Nam : Tỉnh uỷ Hà Nam. - Hàng tháng. - 29 cm

619. Huế xưa và nay. - Huế : Nxb. Thuận Hoá. - Hàng tháng. - 16x25 cm

620. Hương quê. - An Giang : Hội Văn học nghệ thuật An Giang. - 1 năm 3 kỳ. - 24 cm

621. Japo. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 28 cm

622. Kết nối doanh nhân. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 22x29 cm

623. Khoa học Công nghệ và thực phẩm (Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh). - Tp. Hồ Chí Minh : Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh. - 1 năm 3 kỳ. - 29 cm

624. Khoa học điều dưỡng (Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định). - Nam Định : Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. - Hàng quý. - 27x19 cm

625. Khoa học kiểm sát. - H. : Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội. - Hàng tháng. - 28 cm

626. Khoa học phổ thông. - Tp. Hồ Chí Minh : Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 20x28 cm

627. Khoa học phổ thông (chuyên đề dinh dưỡng). - Tp. Hồ Chí Minh : Liên hiệp các Hội

Khoa học Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 21x29 cm

628. Khoa học phổ thông: Sống xanh. - Tp. Hồ Chí Minh : Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. - 2 tuần 1 kỳ. - 18x26 cm

629. Khoa học Tài nguyên và Môi trường (Trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội). - H. : Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. - Hàng quý. - 27 cm

630. Khoa học và Công nghệ. - Lâm Đồng : Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Lâm Đồng. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm

631. Khoa học và Công nghệ. - Bình Định : Sở Khoa học và Công nghệ Bình Định. - Hàng tháng. - 19x27 cm

632. Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Hoà Bình). - Hoà Bình : Trường Đại học Hoà Bình. - Hàng quý. - 19x27 cm

633. Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Quảng Bình). - Quảng Bình : Trường Đại học Quảng Bình. - Hàng quý. - 27 cm

634. Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên). - Hưng Yên : Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên. - Hàng quý. - 27 cm

635. Khoa học và Công nghệ (Trường Đại học Xây dựng Miền Tây). - Vĩnh Long : Trường Đại học Xây dựng Miền Tây. - Hàng quý. - 20x29 cm

636. Khoa học và Công nghệ Đông Đô (Trường Đại học Đông Đô). - H. : Trường Đại học Đông Đô. - Hàng quý. - 30 cm

637. Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. - H. : Trường Đại học Lâm nghiệp. - Hàng tháng. - 21x29 cm

638. Khoa học và huấn luyện hải quân. - Khánh Hòa : Học viện Hải quân. - Hàng quý. - 27x21 cm

639. Khoa học Xã hội và Nhân văn Nghệ An. - Nghệ An : Sở Khoa học và Công nghệ Nghệ An. - Hàng tháng. - 26x19 cm

640. Kiến trúc và đời sống. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 29 cm

641. Lang Bian. - Lâm Đồng : Hội Văn học nghệ thuật Lâm Đồng. - Hàng tháng. - 19x25 cm

642. Liễu quán. - Huế : Nxb. Thuận Hoá. - Hàng quý. - 28 cm
643. Life Wear. - H. : Nxb. Thế giới. - Hàng quý. - 22x28 cm
644. Long An cuối tháng. - Long An : Báo Long An. - Hàng tháng. - 28 cm
645. Mực tím. - Tp. Hồ Chí Minh : Thành đoàn Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tuần. - 19x23 cm
646. Nấm Nung. - Đắk Nông : Hội Văn học nghệ thuật Đắk Nông. - Hàng tháng. - 21x29 cm
647. Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc (Trường Đại học Dược Hà Nội). - H. : Trường Đại học Dược Hà Nội. - Hàng tháng. - 19x26 cm
648. Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế (Trường Đại học Tây Đô). - Cần Thơ : Trường Đại học Tây Đô. - Hàng quý. - 19x26 cm
649. Nghiên cứu Sân khấu và điện ảnh (Trường Đại học Sân khấu điện ảnh Hà Nội). - H. : Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội. - Hàng quý. - 29 cm
650. Nghiên cứu văn hoá (Trường Đại học Văn hoá Hà Nội). - H. : Trường Đại học Văn hoá Hà Nội. - Hàng quý. - 27 cm
651. Người Kinh Bắc. - Bắc Ninh : Hội Văn học nghệ thuật Bắc Ninh. - Hàng tháng. - 19x27 cm
652. Người làm báo. - Sóc Trăng : Hội Nhà báo Sóc Trăng. - Hàng năm. - 20x27 cm
653. Người làm báo. - Cao Bằng : Hội Nhà báo Cao Bằng. - Hàng quý. - 26 cm
654. Người làm báo. - Điện Biên : Hội Nhà báo Điện Biên. - Hàng quý. - 21x28 cm
655. Người làm báo. - Gia Lai : Hội Nhà báo Gia Lai. - Hàng ngày. - 19x27 cm
656. Nhật Lệ. - Quảng Bình : Hội Văn học nghệ thuật Quảng Bình. - Hàng tháng. - 24 cm
657. Nhi Đồng - Thành phố Hồ Chí Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Thành đoàn Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tuần. - 27 cm
658. Nhi đồng ngôi sao nhỏ. - Tp. Hồ Chí Minh : Thành đoàn Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 23x29 cm
659. Nhi đồng Rùa vàng. - Tp. Hồ Chí Minh : Thành đoàn Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tuần. - 27 cm
660. Non nước. - Đà Nẵng : Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Đà Nẵng. - Hàng tháng. - 15x25 cm
661. Non nước Cao Bằng. - Cao Bằng : Hội Văn học nghệ thuật Cao Bằng. - Hàng tháng. - 19x27 cm
662. Nữ doanh nhân. - H. : Hiệp hội Doanh nghiệp Tp. Hà Nội. - Hàng tháng. - 29x23 cm
663. Pháp luật và Thực tiễn. - Huế : Trường Đại học Luật - Đại học Huế. - Hàng quý. - 19x27 cm
664. Phố Hiến. - Hưng Yên : Hội Văn học nghệ thuật Hưng Yên. - 2 tháng 1 kỳ. - 15x24 cm
665. Phumyhung ngày nay. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng quý. - 28 cm
666. PTV. - Phú Thọ : Phát thanh và Truyền hình Phú Thọ. - Hàng quý. - 22x29 cm
667. Quê lụa. - An Giang : Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật An Giang. - Không đều kỳ. - 24 cm
668. Robb Report. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ. - Hàng tháng. - 27 cm
669. Sông Cày. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - Hàng năm. - 16x24 cm
670. Sông Hương. - Thừa Thiên Huế : Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Thừa Thiên Huế. - Hàng tháng. - 15x24 cm
671. Sông Lam. - Nghệ An : Hội Văn học nghệ thuật Nghệ An. - Hàng tháng. - 23 cm
672. Sông Thương. - Bắc Giang : Hội Văn học nghệ thuật Bắc Giang. - 2 tháng 1 kỳ. - 24 cm
673. Sông Trà. - Quảng Ngãi : Hội Văn học nghệ thuật Quảng Ngãi. - 2 tháng 1 kỳ. - 16x24 cm
674. Suối reo. - Sơn La : Hiệp hội Văn học nghệ thuật Sơn La. - 2 tháng 1 kỳ. - 16x24 cm
675. Sức khỏe Bình Dương. - Bình Dương : Sở Y tế Bình Dương. - Hàng tháng. - 27 cm
676. Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một. - Bình Dương : Trường Đại học Thủ Dầu Một. - 2 tháng 1 kỳ. - 19x27 cm
677. Tạp chí Hương sen. - An Giang : Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo. - Hàng quý. - 27 cm

678. Tạp chí Khoa học (Trường Đại học An Giang). - An Giang : Trường Đại học An Giang. - Hàng quý. - 27 cm

679. Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Cần Thơ). - Cần Thơ : Trường Đại học Cần Thơ. - Không đều kỳ. - 26 cm

680. Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Đại Nam). - H. : Trường Đại học Đại Nam. - Hàng tháng. - 21x30 cm

681. Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Đồng Nai). - Đồng Nai : Trường Đại học Đồng Nai. - Hàng quý. - 19x27 cm

682. Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Hạ Long). - Quảng Ninh : Trường Đại học Hạ Long. - Hàng quý. - 19x27 cm

683. Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Hải Phòng). - Hải Phòng : Trường Đại học Hải Phòng. - 2 tháng 1 kỳ. - 19x27 cm

684. Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Mở Hà Nội). - H. : Trường Đại học Mở Hà Nội. - Hàng tháng. - 30 cm

685. Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh). - Tp. Hồ Chí Minh : Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh. - 2 tháng 1 kỳ. - 30 cm

686. Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng). - Tp. Hồ Chí Minh : Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng. - Hàng quý. - 21x30 cm

687. Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Quy Nhơn). - Bình Định : Trường Đại học Quy Nhơn. - Hàng quý. - 27 cm

688. Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Sài Gòn). - Tp. Hồ Chí Minh : Trường Đại học Sài Gòn. - Hàng tháng. - 19x27 cm

689. Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh). - Tp. Hồ Chí Minh : Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 27 cm

690. Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Thăng Long). - H. : Trường Đại học Thăng Long. - 1 năm 3 kỳ. - 21x30 cm

691. Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Văn hiến). - Tp. Hồ Chí Minh : Trường Đại học Văn hiến. - Hàng quý. - 27 cm

692. Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá). - Thanh Hoá : Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá. - Không đều kỳ. - 27 cm

693. Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Văn Lang). - Tp. Hồ Chí Minh : Trường Đại học Văn Lang. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm

694. Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Vinh). - Nghệ An : Trường Đại học Vinh. - Hàng quý. - 27 cm

695. Tạp chí Khoa học Giáo dục thể chất và Thể thao trường học. - H. : Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội. - Hàng quý. - 19x27 cm

696. Tạp chí Khoa học kỹ thuật Nông Lâm nghiệp (Trường Đại học Nông lâm Tp. Hồ Chí Minh). - Tp. Hồ Chí Minh : Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh. - 2 tháng 1 kỳ. - 28 cm

697. Tạp chí Khoa học Nội vụ (Trường Đại học Nội vụ). - H. : Trường Đại học Nội vụ Hà Nội. - 2 tháng 1 kỳ. - 28 cm

698. Tạp chí Khoa học phát triển nhân lực. - Tp. Hồ Chí Minh : Học viện Cán bộ Tp. Hồ Chí Minh. - 2 tháng 1 kỳ. - 19x26 cm

699. Tạp chí Khoa học Quản lý giáo dục. - Tp. Hồ Chí Minh : Trường Cán bộ quản lý giáo dục Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng quý. - 19x27 cm

700. Tạp chí Khoa học và Công nghệ. - Đà Nẵng : Đại học Đà Nẵng. - Hàng tháng. - 15x27 cm

701. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nghệ An. - Nghệ An : Sở Khoa học và Công nghệ Nghệ An. - Hàng tháng. - 19x27 cm

702. Tạp chí Khoa học Yersin. - Lâm Đồng : Trường Đại học Yersin Đà Lạt. - Không đều kỳ. - 27 cm

703. Tạp chí Nghiên cứu khoa học (Trường Đại học Sao Đỏ). - Hải Dương : Trường Đại học Sao Đỏ. - Hàng quý. - 19x27 cm

704. Tạp chí Tinh hoa Đất Việt. - H. : Viện Nghiên cứu Văn hoá Thăng Long. - Hàng tháng. - 19x30 cm

705. Tạp chí Y Dược học Cần Thơ. - Cần Thơ : Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm

706. Tạp chí Y Dược Thái Bình. - Thái Bình : Trường Đại học Y Dược Thái Bình. - Hàng quý. - 19x21 cm

707. Tân Trào. - Tuyên Quang : Hội Văn học nghệ thuật Tuyên Quang. - Hàng tháng. - 19x42 cm

708. Thanh Hoá xưa và nay. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá. - Hàng quý. - 27 cm

709. Thế giới nữ doanh nhân. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng quý. - 21x28 cm

710. Thị trường địa ốc. - Tp. Hồ Chí Minh : Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tháng. - 28 cm

711. Thông báo nội bộ. - Bắc Giang : Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bắc Giang. - Hàng tháng. - 13x19 cm

712. Thông tin công tác tuyên giáo. - Bình Thuận : Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận. - Hàng tháng. - 27 cm

713. Thông tin Khoa học & Công nghệ (Trường Cao đẳng Công Thương Miền Trung). - Phú Yên : Trường Cao đẳng Công Thương Miền Trung. - 1 năm 3 kỳ. - 19x27 cm

714. Thông tin Khoa học chính trị. - Cần Thơ : Học viện Chính trị khu vực IV. - Hàng quý. - 29 cm

715. Thông tin Khoa học Công nghệ. - Quảng Ngãi : Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Ngãi. - 2 tháng 1 kỳ. - 27 cm

716. Thông tin Khoa học và Công nghệ. - Vĩnh Long : Sở Khoa học và Công nghệ Vĩnh Long. - Hàng quý. - 27 cm

717. Thông tin Khoa học và Công nghệ. - Bắc Ninh : Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Ninh. - 2 tháng 1 kỳ. - 20x27 cm

718. Thông tin Lý luận và thực tiễn. - Bắc Giang : Trường Chính trị tỉnh Bắc Giang. - Hàng tháng. - 26 cm

719. Thông tin Lý luận và thực tiễn. - Điện Biên : Trường Chính trị tỉnh Điện Biên. - Hàng năm. - 19x27 cm

720. Thông tin Lý luận và thực tiễn. - Cần Thơ : Trường Chính trị Tp. Cần Thơ. - Không đều kỳ. - 19x26 cm

721. Thông tin nghiên cứu bảo tồn di sản. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng. - Hàng quý. - 27 cm

722. Thông tin Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thanh Hoá. - Thanh Hoá : Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá. - Hàng quý. - 27 cm

723. Thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Gia Lai. - Gia Lai : Sở Tư pháp Gia Lai. - Hàng tháng. - 27 cm

724. Thông tin vì sự tiến bộ của phụ nữ Bình Thuận. - Bình Thuận : Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh Bình Thuận. - Hàng quý. - 19x27 cm

725. Thời báo Kinh tế Sài Gòn. - Tp. Hồ Chí Minh : Sở Công Thương Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng tuần. - 28 cm

726. Thung mây. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An. - Hàng quý. - 24 cm

727. Thương gia. - H. : Hội Doanh nghiệp Hà Nội. - Hàng tháng. - 21x27 cm

728. Trường Chính trị Kiên Giang. - Kiên Giang : Trường Chính trị Kiên Giang. - 1 năm 2 số. - 27 cm

729. Tùng Linh. - Quỳnh Lưu : Chi hội Văn học nghệ thuật Quỳnh Lưu. - Không đều kỳ. - 16x23 cm

730. Tư pháp Bạc Liêu. - Bạc Liêu : Sở Tư pháp Bạc Liêu. - Hàng tháng. - 27 cm

731. Văn hoá Quảng Nam. - Quảng Nam : Báo Quảng Nam. - Hàng tháng. - 21x29 cm

732. Văn hoá và Nguồn lực. - Tp. Hồ Chí Minh : Trường Đại học Văn hoá Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng quý. - 19x27 cm

733. Văn nghệ Bình Thuận. - Bình Thuận : Hội Văn học nghệ thuật Bình Thuận. - 2 tháng 1 kỳ. - 30 cm

734. Văn nghệ Cà Mau. - Cà Mau : Hội Văn học nghệ thuật Cà Mau. - 2 tháng 1 kỳ. - 29 cm

735. Văn nghệ Cần Thơ. - Cần Thơ : Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Tp. Cần Thơ. - 2 tháng 1 kỳ. - 20x28 cm

736. Văn nghệ Đất tổ. - Phú Thọ : Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Phú Thọ. - 2 tuần 1 kỳ. - 28 cm

737. Văn nghệ Điện Biên. - Điện Biên : Hội Văn học nghệ thuật Điện Biên. - Hàng tháng. - 19x24 cm

738. Văn nghệ Gia Lai. - Gia Lai : Hội Văn học nghệ thuật Gia Lai. - Hàng tháng. - 24 cm

739. Văn nghệ Hà Giang. - Hà Giang : Hội Văn học nghệ thuật Hà Giang. - Hàng tháng. - 25x27 cm

740. Văn nghệ Lai Châu. - Lai Châu : Hội Văn học nghệ thuật Lai Châu. - Hàng tháng. - 15x23 cm

741. Văn nghệ Ninh Bình. - Ninh Bình : Hội Văn học nghệ thuật Ninh Bình. - Hàng tháng. - 16x24 cm

742. Văn nghệ Phú Yên. - Phú Yên : Hội Văn nghệ Phú Yên. - Hàng tháng. - 16x24 cm

743. Văn nghệ Tiền Giang. - Tiền Giang : Hội Văn học nghệ thuật Tiền Giang. - 2 tháng 1 kỳ. - 16x21 cm

744. Văn nghệ Vĩnh Phúc. - Vĩnh Phúc : Hội Văn học nghệ thuật Vĩnh Phúc. - Hàng tháng. - 19x27 cm

745. Văn nghệ Xứ Lạng. - Lạng Sơn : Hội Văn học nghệ thuật Lạng Sơn. - Hàng tháng. - 27 cm

746. Y học Thành phố Hồ Chí Minh. - Tp. Hồ Chí Minh : Trường Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh. - Hàng quý. - 29 cm

3.1.2.2.2 TIẾNG NƯỚC NGOÀI

747. Journal of Science (Ho Chi Minh City Open University). - Tp. Hồ Chí Minh : Ho

Chi Minh city Open University. - Hàng quý . - 29 cm